

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HC-PT

Ngày: 29/3/2018

V/v: “*Khởi kiện Quyết định thu hồi
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Vũ Hồng Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Đức.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Đỗ Thị Yến- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 13/2017/HCPT ngày 11/12/2017 về việc “*Khởi kiện Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2017/HC-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2018/QĐ-PT ngày 23/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐ-HPT ngày 14/3/2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Sứ A M

Địa chỉ: xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hồ Thành Đ (Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2016).

Địa chỉ: phường P, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Tấn T- Phó chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 11/8/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Đại Th

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Vòng Phát M

Địa chỉ: xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Ông Vòng Phát C

Địa chỉ: xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Bà Vòng Tuyết Y

Địa chỉ: phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Y: Ông Hồ Thành Đ (Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2017).

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Sú A M

(Ông Đ, ông M, ông C, ông Th có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* Người khởi kiện bà Sú A M do ông Hồ Thành Đ làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Với lý do cấp giấy chứng nhận không đúng với hiện trạng thực tế người sử dụng đất, ngày 17/02/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND, với nội dung là: thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện C cấp cho ông Vòng Sênh Q và bà Sú A M có số phát hành BE 358123, số vào sổ CH 00408/00476, cấp ngày 21/10/2011, tại thửa đất số 59, tờ bản đồ 41, bản đồ địa chính xã X thành lập năm 2009.

Vào ngày 04/3/2016, bà Sú A M nhận được Quyết định trên của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai. Ngày 28/3/2016, bà Sú A M khởi kiện Quyết định hành chính trên tại Tòa án nhân dân huyện C, với nội dung là yêu cầu Tòa án hủy Quyết định hành chính trên.

Cùng với việc gửi đơn khởi kiện tại Tòa án thì bà M có làm đơn khiếu nại đối với quyết định hành chính trên tại UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, sau đó thì bà đã rút đơn khiếu nại và Chủ tịch UBND huyện C đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại.

Trước đó vào ngày 07/8/2015, gia đình bà có nhận được thông báo số 86/TB-UBND, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai ban hành ngày 05/8/2015 với nội dung là thông báo cho gia đình bà biết là việc cấp lại giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông bà vào năm 2011 có sai sót vì thửa đất trên có con đường đi nhưng khi cấp lại đã cấp luôn con đường đi cho vợ chồng bà, nên UBND huyện C sẽ ra quyết định thu hồi trong thời gian 01 tháng

sau nếu bà M không khiếu nại. Sau đó thì bà M có khiếu nại thông báo trên và cũng đã được UBND huyện mời lên xã làm việc và sau đó thì bà nhận được Quyết định số 25/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện C ngày 17/02/2016.

Lý do bà khởi kiện: Bà cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất số BE 358123, sổ vào sổ CH 00408/00476, cấp ngày 21/10/2011, tại thửa đất số 59, tờ bản đồ 41, tại xã X của bà là không đúng, vì: Vào năm 1980, chồng bà là ông Vòng Sênh Q có khai phá đất (hiện là thửa 59, tờ bản đồ 41, tại xã X), đến năm 1990 thì gia đình bà cho ông Lý Chi A và Sú Lộc C1 mượn canh tác vì cả gia đình bà qua Trung Quốc sống. Trong quá trình canh tác thì ông An và ông C1 có vận chuyển nông sản từ trong đất ra ngoài đường lớn nên có mở 1 lối đi trong nội bộ đất của gia đình. Lúc này, bà Lữ Sám M1 là người có đất giáp phía sau muốn đi tấc ra đường lớn (mặc dù trước đó bà M1 đã có lối đi khác) đã tự ý đi qua đất mà không có sự đồng ý của ông An và ông C1. Khoảng năm 1994, ông An và ông C1 đã rào lại đất nên không còn cho bà Sám M đi nữa. Từ đó thì bà Lữ Sám M1 cũng không có khiếu nại gì. Cho đến năm 2004, ông Phù Chi C mua lại đất của bà Lữ Sám M1 thì có khiếu nại mở con đường đi trên nhưng sau đó đến 2007 thì UBND xã X đã ra quyết định cưỡng chế mở đường đi nhưng quyết định này đã bị UBND huyện C hủy vì không đúng quy định pháp luật. Sau đó ông Cún không có khiếu nại gì nên UBND huyện đã cấp lại giấy chứng nhận QSD đất cho vợ chồng ông bà vào năm 2011.

Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai cho rằng thửa đất của bà có con đường đi, do Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho gia đình bà M là không đúng với hiện trạng thực tế nên đã ra Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 17/02/2016, về việc thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất số BE 358123, sổ vào sổ CH 00408/00476, cấp ngày 21/10/2011, tại thửa đất số 59, tờ bản đồ 41, tại thửa đất địa chính xã X thành lập năm 2009 là không đúng. Nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C hủy quyết định trên của UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai.

* Theo Văn bản ngày 01/6/2016, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện do ông Nguyễn Tấn Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 973, 976 và 977, tờ bản đồ số 8, theo bản đồ địa chính xã X, thành lập năm 1992 và theo bản đồ địa chính xã X thành lập năm 2009 thì 3 thửa đất trên hiện là thửa 59, tờ bản đồ 41, là do ông Vòng Sênh Q khai phá và sử dụng từ năm 1980. Đến năm 1990, gia đình ông Q đi sang Hồng Kong nên đã giao các thửa đất này cho ông Lý Chi A và Sú Lộc C1 canh tác. Trong thời gian canh tác thì ông A và ông C1 đã chừa 1 con đường đi từ đầu đường liên ấp đến cuối đất giáp phần đất của bà Lữ Sám M1 (hiện nay là đất của ông Phù Chi Cún).

Năm 1992, thành lập bản đồ địa chính xã X lần đầu thể hiện có con đường đi từ đầu thửa đất 973, 976 đến cuối thửa đất 976, có chiều ngang từ 3m đến 3,5m; chiều dài 192m giáp ranh góc thửa đất 959 (của ông Phù Chi Cún).

Năm 1993, UBND huyện Xuân Lộc cũ cấp giấy Chứng nhận QSD đất cho ông Lý Chi A thửa đất số 973; cấp cho ông Sú Lộc C1 thửa đất số 976 và 977. Theo quyết định số 216/QĐ.UBH ngày 01/4/1993, trong đó có thể hiện con đường đi giữa 2 thửa đất 973 và 976.

Năm 1997, gia đình ông Vòng Sênh Q trở về X và được ông Lý Chi A và ông Sú Lộc C1 giao lại đất để canh tác. Tuy nhiên, đến năm 2004, ông Q mới làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất.

Năm 2004, UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định số 1088/QĐ-UBH ngày 15/11/2004 về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa 973, tờ bản đồ số 08; Quyết định số 1104/QĐ.UBH ngày 17/11/2004, về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa 976 và 977, tờ bản đồ 08 cho ông Vòng Sênh Q và bà Sú A M.

Đến năm 2009, UBND tỉnh có chủ trương đo đạc lại bản đồ địa chính xã X. Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng với Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 3 đã tiến hành đo đạc. Quá trình đo đạc, đơn vị đo đạc đã đo luôn phần con đường đi đã thể hiện theo bản đồ địa chính năm 1992 vào phần đất của ông Vòng Sênh Q. Sau khi đo đạc thì UBND xã X đã không kiểm tra lại bản đồ mà ký xác nhận theo hiện trạng.

Tháng 7/2010, Văn phòng Đăng ký QSD đất tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh C đã cho người dân đăng ký cấp đổi giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và hộ ông Q nộp hồ sơ xin cấp đổi đối với thửa đất 973, 976, 977, tờ bản đồ 08, thành lập năm 1992; theo bản đồ địa chính xã X thành lập năm 2009 là thửa đất số 59, tờ bản đồ 41.

Ngày 21/10/2011, UBND huyện C đã cấp giấy Chứng nhận QSD đất cho ông Vòng Sênh Q và bà Sú A M, giấy chứng nhận QSD đất có số phát hành BE 358123, số vào sổ CH 00408/00476, trong đó thì sơ đồ thửa đất không thể hiện con đường đi.

Vì vậy, sau khi xác minh, báo cáo thẩm tra của Thanh tra việc cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất trên cho ông Q và bà M, thì UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 25/QĐ-UBND, ngày 17/02/2016, về việc thu hồi giấy Chứng nhận QSD đất cấp ngày 21/10/2011 cho ông Vòng Sênh Q và bà Sú A M có số phát hành BE 358123, số vào sổ CH 00408/00476, với lý do: Giấy chứng nhận đã cấp không đúng với hiện trạng thực tế người sử dụng.

UBND huyện C ban hành Quyết định trên là đúng trình tự và thủ tục quy định nên không chấp nhận khiếu kiện của bà Sú A M về việc hủy Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 17/02/2016

* Những người có quyền nghĩa vụ liên quan là ông Vòng Phát M, ông Vòng Phát C và bà Vòng Tuyết Y trình bày: Các ông bà thống nhất với lời trình bày của bà M, cũng như người đại diện cho bà M về nguồn gốc đất của gia đình ông bà và

các ông bà cũng đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 17/02/2016, về việc thu hồi giấy chứng nhận QSD đất của UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai

- Tại bản án sơ hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HC-ST ngày 23/9/2017 của TAND huyện C đã tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Sú A M về yêu cầu hủy QĐ số 25/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND huyện C

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 28/8/2017 Viện trưởng VKSND tỉnh Đồng Nai ban hành QĐ kháng nghị số 261/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị theo hướng hủy bản án sơ thẩm do thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, xử lý tạm ứng chi phí tố tụng không đúng quy định pháp luật.

- Ngày 10/10/2017, người khởi kiện bà Sú A M nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

- *Tranh luận của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện tại phiên tòa:*

Việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 358123 ngày 21/10/2011 của UBND huyện C là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 106 Luật đất đai năm 2013 do tại giấy chứng nhận trên UBND huyện đã công nhận cả phần đường đi đã được thể hiện trên bản đồ địa chính xã X năm 1992 cho ông Vòng Sênh Q bà Sú A M. Trên cơ sở đã thực hiện đúng quy định tại Điều 87 nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về trình tự thủ tục thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, việc UBND huyện C ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Q bà M là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ lập luận trên, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà M.

- *Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Từ trình bày của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ để xác định quá trình quản lý nhà nước của UBND huyện C đối với các thửa đất 973, 967, 977 tờ bản đồ 08 (cũ) xã X như sau:

+ Năm 1993, UBND huyện Xuân Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho các ông Lý Chi A, Sú Lộc C1

+ Năm 2004, UBND huyện C công nhận quyền sử dụng cho ông Vòng Sênh Q bà Sú A M do nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Lý Chi A và vợ chồng ông Sú Lộc C1

+ Năm 2009, UBND huyện C cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 2004 trên cơ sở nhập các thửa đất trên thành thửa 59 tờ bản đồ 41 xã X hiện nay cho ông Q bà M.

Đối chiếu các bản đồ địa chính thành lập năm 1992, năm 2009; trích lục và biên vẽ bản đồ địa chính khu đất đối với các thửa đất số 973, 976, 977 tờ bản đồ 08 thực hiện năm 2004 có đủ cơ sở kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 358123 ngày 21/10/2011 của UBND huyện C đã công nhận cả diện tích đất là đường đi cho vợ chồng ông Q bà Mùi. Việc UBND huyện C ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Q bà M do cấp không đúng diện tích là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ các lý do trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị bác kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Bà Sú A M nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên kháng cáo của bà M được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo pháp luật của bà M xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Về người tham gia phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp cho người bị kiện đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, xét xử vắng mặt đương sự này.

[3] Nội dung vụ án:

Ngày 21/10/2011, UBND huyện C ban hành giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 358123, theo đó công nhận quyền sử dụng đối diện tích đất 32.663,7m² tại thửa 59 tờ bản đồ 41 xã X, huyện C cho ông Vòng Sênh Q và bà Sú A M.

Căn cứ kết quả xác minh, thẩm tra của Thanh tra huyện C tại Báo cáo số 159/BC-TT ngày 15/7/2015, UBND huyện C ban hành Thông báo số 86/TB-UBND ngày 05/8/2015 cho ông Q, bà M về việc thu hồi giấy chứng nhận số BE 358123 ngày 21/10/2011 do đã cấp không đúng với hiện trạng thực tế người sử dụng.

Do cho rằng UBND huyện C ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 trái pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của mình, bà Sú A M khởi kiện yêu cầu hủy quyết định nói trên.

[4] Về nội dung kháng cáo:

Qua trình bày của người kháng cáo tại phiên tòa, đối chiếu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng: cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[4.2] Đánh giá tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khởi kiện:

[4.2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

UBND huyện C đã ban hành Giấy chứng nhận QSD đất số BE 358123 công nhận quyền sử dụng đối diện tích đất 32.663,7m² tại thửa 59 tờ bản đồ 41 xã X, huyện C cho ông Vòng Sênh Q và bà Sú A M. Trên cơ sở Báo cáo số 159/BC-TT ngày 15/7/2015 của Thanh tra huyện C và đã ban hành Thông báo số 86/TB-UBND ngày 05/8/2015 cho ông Q, bà M về việc Giấy chứng nhận số BE 358123 nói trên được ban hành không đúng quy định pháp luật, UBND huyện C ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận số BE 358123 ngày 21/10/2011 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013, điểm b khoản 4 Điều 87 nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

[4.2.2] Về nội dung của quyết định:

Từ lời khai của đương sự tại phiên tòa, các chứng cứ tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp thì quá trình sử dụng đất của người dân, quá trình quản lý hành chính của UBND huyện C đối với thửa đất số 59 tờ bản đồ 41 xã X như sau:

- Năm 1993, UBND huyện X cũ cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Chi A thửa đất số 973; cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Sú Lộc C1 thửa đất số 976 và 977 cùng tờ bản đồ 08 xã X.

Cùng ngày 07/9/2004, vợ chồng ông Lý Chi A lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Vòng Sênh Q, bà Sú A M quyền sử dụng đất thửa 973 tờ bản đồ 08 có diện tích 8378m²; vợ chồng ông Sú Lộc C1 lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Vòng Sênh Q, bà Sú A M quyền sử dụng đất các thửa 976, 977 tờ bản đồ 08 có tổng diện tích 28.875m²

- Năm 2004, UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định số 1088/QĐ-UBH ngày 15/11/2004 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 973, tờ bản đồ số 08; Quyết định số 1104/QĐ.UBH ngày 17/11/2004, về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 976 và 977, tờ bản đồ 08 cùng cho ông Vòng Sênh Q và bà Sú A M.

- Thửa 59 tờ bản đồ 41 xã X hình thành năm 2009 trên cơ sở nhập 03 thửa

973, 976, 977 tờ bản đồ 08 xã X và được ghi nhận lần đầu tại bản đồ địa chính xã X năm 2009. Tứ cận, ranh giới các thửa đất trên tại Bản đồ địa chính xã X năm 1992 thể hiện có sự tồn tại con đường đất đi từ đầu thửa đất 973, 976 đến cuối thửa đất 976, có chiều ngang từ 3m đến 3,5m; chiều dài 192m giáp ranh góc thửa đất 959.

Các trích lục và biên vẽ bản đồ địa chính khu đất đối với các thửa đất số 973, 976, 977 tờ bản đồ 08 thực hiện năm 2004 khi vợ chồng ông Q bà M thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Lý Chi A, Sú Lộc C1 đều ghi nhận việc tồn tại của đường đất trên.

Tại phiên toà phúc thẩm, phía người khởi kiện thừa nhận hiện trạng sử dụng đất không có thay đổi từ thời điểm ông Q, bà M nhận lại các thửa đất từ ông Lý Chi A và Sú Lộc C1; ông Q bà M cũng không có khiếu nại gì đối với các Quyết định số 1088, 1104 năm 2004 của UBND huyện C. Thực tế, sau khi được UBND huyện X, UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1993, cấp đổi năm 2004 đối với các thửa đất trên thì ông Lý Chi A, ông Sú Lộc C1 cũng như vợ chồng ông Q bà M không khiếu nại, thắc mắc gì đối với hình thể, ranh mốc cũng như việc tồn tại con đường đất nằm giữa các thửa đất này.

Như vậy có đủ căn cứ Giấy chứng nhận QSD đất số BE 358123 ngày 21/10/2011 do UBND huyện C ban hành đã công nhận quyền sử dụng thửa 59 tờ bản đồ 41 bao gồm cả diện tích đường đất nằm giữa thửa 973, 774, 975 với thửa 976, 977 cùng tờ bản đồ 08 xã X (cũ) cho ông Q bà M. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng trên là không đúng với diện tích đất mà đương sự đã được công nhận quyền sử dụng trước đó, thuộc trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Từ đó việc UBND huyện C ban hành quyết định hành chính có nội dung thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 358123 ngày 21/10/2011 là phù hợp quy định của Luật Đất đai.

Trình bày của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện cho rằng ông Q bà M đã quản lý sử dụng toàn bộ thửa 59 tờ bản đồ 41 xã X từ năm 1997 và không tồn tại con đường nào giữa các thửa 973, 976, 977 tờ bản đồ 08 xã X (cũ) là không có căn cứ chấp nhận.

Do Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục, nội dung đúng pháp luật như đã phân tích ở trên nên việc bà M kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định hành chính trên là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Đối với tranh luận của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án cơ bản phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Bác kháng cáo của bà Sứ A M, giữ nguyên đường lối giải quyết của bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Sứ A M về việc yêu cầu hủy Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 25/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND huyện C.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Sứ A M phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) được trừ vào tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 003507 ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Án phí hành chính phúc thẩm: bà Sứ A M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được trừ vào tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 004195 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa: ông Nguyễn Công Sự (đã ký)

Các Thẩm phán: ông Ngô Thanh Sỹ- ông Vũ Hồng Luyến (đã ký)